

TỪ GIÁ TRỊ SỐNG VÀ KỸ NĂNG SỐNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ BÀN VỀ GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG KỸ NĂNG SỐNG Ở TRƯỜNG HỌC

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) để tài: *Mối quan hệ giữa giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay*, Mã số 501.01-2016.01; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chủ trì; PGS.TS. Trần Thị Lệ Thu làm chủ nhiệm.

Trần Thị Lệ Thu

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

Nguyễn Thị Nhân Ái

Trần Thị Cẩm Tú

Phạm Thị Diệu Thúy

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

TÓM TẮT

Nghiên cứu hướng đến mục tiêu tìm kiếm mô hình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống phù hợp, trên cơ sở phân tích thực trạng các giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học của học sinh trung học cơ sở như là kết quả của quá trình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống và mối quan hệ giữa chúng. Mẫu nghiên cứu gồm 883 học sinh của năm trường trung học cơ sở tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Trên cơ sở tham khảo các chương trình giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống đang được thực hiện ở các trường học cùng chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảng hỏi về giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học của học sinh đã được xây dựng để thu thập số liệu. Kết quả chỉ ra hệ giá trị sống ở trường học gồm 9 giá trị (Yêu nước, Hợp tác, An toàn, Hạnh phúc, Khoan dung, Chăm chỉ, Yêu thương - Tôn trọng, Có trách nhiệm với tương lai và Trung thực), trong đó có một giá trị kép và 3 kỹ năng sống (Kỹ năng tư chủ, Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo và Kỹ năng giao tiếp). Các giá trị sống và kỹ năng sống có tương quan thuận với hệ số tương quan Pearson trong khoảng từ 0,33 đến 0,68. Từ kết quả

này, tính hợp lý và hiệu quả của mô hình giáo dục kết hợp giá trị sống và kỹ năng sống được bàn luận

Từ khóa: *Giá trị sống; Kỹ năng sống; Giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống; Trường học; Mối quan hệ giữa giá trị sống và kỹ năng sống.*

Ngày nhận bài: 12/3/2020; Ngày duyệt đăng bài: 25/3/2020.

I. Mở đầu

Giá trị sống được xem như là một loại giá trị thuộc về tinh thần, là những giá trị thiết thực cho cuộc sống của con người, giúp mỗi cá nhân sống, làm việc hiệu quả hơn (Mạc Văn Trang, 2011; Trần Thị Lệ Thu, 2013). Kỹ năng sống là khả năng thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày của mỗi cá nhân (UNESCO, 2003; Singh, 2003). Đó là những kỹ năng thiết thực mà con người cần để có cuộc sống an toàn, khỏe mạnh, giúp cá nhân có khả năng làm chủ bản thân, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống (Nguyễn Công Khanh, 2012; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018).

Từ những cách hiểu trên đây có thể thấy, điểm chung của giá trị sống và kỹ năng sống đều là những thứ giúp con người sống, làm việc hiệu quả; là nền tảng giúp mỗi cá nhân có thể thích ứng và hội nhập thành công vào cuộc sống xã hội. UNESCO và Hiệp hội Giáo dục giá trị sống quốc tế (ALIVE) cũng khẳng định những tiêu chí nền tảng để xây dựng và duy trì một trường học an toàn, khỏe mạnh và hạnh phúc chính là những giá trị sống và kỹ năng sống (Tillman và Colimina, 2000; UNESCO, 2019).

Hiện nay, thanh thiếu niên khắp nơi trên thế giới đang bị đe dọa bởi tình trạng bạo lực, áp lực và mất định hướng trong cuộc sống, lối sống buông thả, vị kỷ và thiếu ý thức đối với các vấn đề có tính cộng đồng, thiếu tôn trọng, hành vi tự hủy hoại bản thân (Lickona, 1992). Tại Việt Nam, tình hình cũng không ngoại lệ. Các nghiên cứu trước đây cho thấy, tình hình bạo lực học đường ngày càng gia tăng (Jessica và cộng sự, 2014, Trần Văn Công và cộng sự, 2016; Nguyễn Việt Hiệp, 2016; Đặng Văn Minh, 2016). Theo một nghiên cứu của tổ chức quốc tế Plan International trên 646 học sinh phổ thông Việt Nam, có tới gần 1/3 trong tổng số các em bị bạo lực trong 6 tháng qua, trong đó bạo lực phổ biến ở trường và có tới 65% học sinh cho rằng mình đã bị bạo lực tinh thần trong 6 tháng qua (dẫn theo Jessica và cộng sự, 2014). Kết quả khảo sát 371 học sinh THCS tại Hà Nội cho thấy, học sinh có xu hướng gây hấn tinh thần bằng lời nói là cao nhất (Trần Văn Công và cộng sự, 2016).

Giá trị sống và kỹ năng sống không tự nhiên hình thành mà phải do học tập và rèn luyện lâu dài trong chính cuộc sống hàng ngày của mỗi cá nhân ở

mọi môi trường: từ trong gia đình đến trường học và bên ngoài xã hội (Lions Clubs International Foundation, 2015; Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự, 2010; Joseph và cộng sự, 1989; Sigh, 2003; Tillman, 2010; Đặng Thúy Anh và cộng sự, 2014; Bùi Ngọc Diệp và cộng sự, 2010). Trong bối cảnh hiện nay, giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống là vấn đề cấp thiết góp phần xây dựng nền tảng vững vàng, chắc chắn từ mỗi cá nhân học sinh để phòng ngừa, giảm thiểu và ngăn chặn tình trạng thiếu tôn trọng, gây hấn, áp lực, bắt nạt và bạo lực trong học đường cũng như ngoài xã hội (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự, 2010; Đặng Hoàng Minh và cộng sự, 2018; Weiss và cộng sự, 2014; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; UNESCO, 2019).

Có nhiều chương trình giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống đã được thực hiện ở nhiều quốc gia. Ví dụ, Chương trình Giáo dục giá trị sống quốc tế (LVEP) đã được triển khai ở 80 quốc gia trên thế giới (Tillman và Colimina, 2000; Tillman, 2010); LVEP hướng vào mục tiêu giáo dục 12 giá trị sống cốt lõi (yêu thương, hòa bình, tôn trọng, trách nhiệm, đoàn kết, tự do, hợp tác, giản dị, trung thực, khoan dung, khiêm tốn, hạnh phúc), đồng thời tích hợp với giáo dục các kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội - cảm xúc (Lovat và cộng sự, 2009; Tillman, 2010). Chương trình Giáo dục kỹ năng cảm xúc - xã hội (SEL) được triển khai tại nhiều quốc gia và được khẳng định là giúp người học có xu hướng đạt kết quả cao hơn trong học tập, có thái độ tích cực hơn, ít có những hành vi mang tính tiêu cực và giảm căng thẳng (Durlak, 2011; Daunic, 2013; Payton, 2008; Blackmore, 2010). SEL có nội dung khá tương đồng với LVEP, nhưng cách tiếp cận của SEL tập trung vào năm năng lực cốt lõi (nhận thức bản thân, nhận thức xã hội, làm chủ bản thân, làm chủ các mối quan hệ xã hội, ra quyết định có trách nhiệm); trong đó bao hàm cả những kiến thức, kỹ năng sống, giá trị sống giúp cá nhân ứng phó và thích ứng với cuộc sống (UNESCO, 2019; Wilson, 2001; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018). Trong báo cáo đánh giá giáo dục kỹ năng sống toàn cầu của UNICEF năm 2012, các chuyên gia đã tổng hợp kỹ năng sống thành ba nhóm là: kỹ năng cá nhân (nhận thức và quản lý bản thân), kỹ năng liên cá nhân (giao tiếp, thương lượng, hợp tác và đồng cảm), kỹ năng nhận thức (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, ra quyết định).

Chương trình Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở tại Việt Nam cũng hướng vào giáo dục đồng thời 12 giá trị sống và 8 nhóm kỹ năng sống tương đồng với những nhóm kỹ năng thuộc LVEP và SEL (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự, 2010).

Có thể thấy, các chương trình giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống dù là tách riêng hay tích hợp thì đều hướng tới giáo dục cả giá trị sống và kỹ năng sống, chỉ khác ở mục tiêu ưu tiên. Đích đến của tất cả các chương trình này đều

là giúp cá nhân thấu hiểu bản thân, học tập và phát triển tối đa khả năng của mình, sống khỏe mạnh, hạnh phúc trong gia đình cũng như ngoài cộng đồng (Weiss và cộng sự, 2014; Covey, 2015; Trần Thị Lệ Thu, 2013; Mạc Văn Trang, 2011; Nguyễn Thị Thanh Bình, 2009; Đặng Thủy Anh và cộng sự, 2014).

Tại Việt Nam, Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể đã xác định mục tiêu giáo dục giúp người học có khả năng làm chủ tri thức, vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và biết xây dựng hài hòa các mối quan hệ xã hội, có đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước và nhân loại; đồng thời, hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm và những năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Ở Việt Nam, một số chương trình giáo dục tích hợp giá trị sống, kỹ năng sống đã được thực hiện nhiều năm qua và được chứng minh là có hiệu quả, đồng thời đang đáp ứng đúng mục tiêu và định hướng đổi mới giáo dục hiện nay (Weiss, 2014; Trần Thị Lệ Thu, 2015; Đặng Hoàng Minh và cộng sự, 2018; Nguyễn Thị Thanh Bình và cộng sự, 2018).

Tuy vậy, khá ít các nghiên cứu tìm hiểu kết quả của giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống được biểu hiện như thế nào ở hệ giá trị sống và kỹ năng sống ở người học. Nghiên cứu sẽ chỉ ra thực trạng các giá trị sống và kỹ năng sống đó và mối quan hệ giữa chúng ở học sinh trung học cơ sở (THCS), trên cơ sở đó xem xét về tính hợp lý và hiệu quả của các chương trình giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống đang được thực hiện hiện nay cho học sinh THCS ở trường học.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên tổng mẫu là 883 học sinh từ khối lớp 6 đến khối lớp 9 tại năm trường THCS ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Mẫu nghiên cứu được chọn với sự đồng thuận của các phòng giáo dục và Ban giám hiệu các trường. Cả năm trường đều ở thành phố, không phải trường chuyên.

Bảng 1: Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu		Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	406	46,0
	Nữ	476	54,0
	Khuyết	1	

Khối lớp	Lớp 6	213	24,1
	Lớp 7	221	25,0
	Lớp 8	213	24,1
	Lớp 9	236	26,7
Địa bàn	Hà Nội	343	38,8
	Hồ Chí Minh	355	40,2
	Đà Nẵng	185	21,0

2.2. Công cụ nghiên cứu

Bảng hỏi khảo sát được xây dựng bởi nhóm nghiên cứu qua 3 bước như sau: Thứ nhất, hình thành hệ giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học trên cơ sở 12 giá trị sống cốt lõi từ chương trình giáo dục giá trị sống L.V.E.P, bổ sung giá trị yêu nước và ba kỹ năng sống theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phẩm chất và năng lực học sinh trong chương trình giáo dục tổng thể; Thứ hai, xây dựng bể item về các biểu hiện giá trị sống - kỹ năng sống từ các nguồn: các nghiên cứu, các giáo trình/sách về đào tạo giá trị sống - kỹ năng sống, các văn bản hướng dẫn về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả là hình thành 95 mệnh đề (item) về 13 giá trị sống và 30 item về 3 kỹ năng sống; Thứ ba, thử nghiệm và chỉnh sửa bảng hỏi trên cơ sở điều tra thử với hai nhóm mẫu. Mẫu thứ nhất gồm 48 học sinh, để xác định mức độ hiểu nội dung các item. Các item có nhiều thắc mắc được xử lý bằng cách chỉnh sửa diễn đạt. Mẫu thứ hai gồm 67 học sinh, để xác định độ tin cậy của từng thang đo. Các item có tương quan biến - tổng với từng thang nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại bỏ. Kết quả sau bước này còn lại 60 item về giá trị sống, ví dụ như: "Trung thực với bản thân", "Vui vẻ, hài lòng với những gì mình đang có" và 30 item về kỹ năng sống như "Chủ động đề xuất các ý tưởng mới, giải pháp mới", "Giao tiếp phi ngôn ngữ và biểu cảm hiệu quả", v.v. được dùng cho điều tra chính thức. Bảng hỏi sử dụng thang Likert 7 bậc (từ mức 1- Rất không đồng ý đến 7- Rất đồng ý).

Số liệu từ điều tra chính thức cho thấy, có thêm một số item bị loại bỏ vì không đạt tiêu chuẩn trong quá trình phân tích độ tin cậy và độ hiệu lực của các thang (có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn 0,5, có tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,3), số lượng item còn lại cũng như số giá trị và kỹ năng ở trường học được phát hiện thể hiện ở bảng 2. Kết quả cho thấy, các thang đo lường giá trị và kỹ năng đều đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực. Tổng số còn lại 42 item phản ánh 9 giá trị sống và 23 item phản ánh 3 kỹ năng sống ở học sinh THCS.

Bảng 2: Thông tin về độ tin cậy của các thang đo

Giá trị - Kỹ năng	Số item	α	Giá trị - Kỹ năng	Số item	α
Yêu nước	6	0.91	Hợp tác	3	0.88
An toàn	7	0.89	Hạnh phúc	5	0.85
Khoan dung	6	0.85	Chăm chỉ	3	0.84
Yêu thương - Tôn trọng	5	0.79	Trung thực	4	0.86
Trách nhiệm với tương lai	3	0.84	Kỹ năng giao tiếp	9	0.94
Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo	8	0.91	Kỹ năng tư duy	6	0.88

2.3. Phân tích thống kê

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng phép phân tích nhân tố và hệ số tin cậy Alpha của Cronbach để đánh giá độ hiệu lực (hội tụ và phân biệt) và độ tin cậy của các thang đo. Các tham số thống kê như điểm trung bình, độ lệch chuẩn được tính toán để mô tả hiện trạng hệ giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học của học sinh TICS. Cuối cùng, tương quan Pearson được tính toán để phân tích mối quan hệ giữa các giá trị sống và kỹ năng sống.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học của học sinh trung học cơ sở

Hệ thống các giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học được phát hiện qua phép phân tích nhân tố khám phá. Phép phân tích này cho phép gom các item phụ thuộc lẫn nhau thành một nhân tố có ý nghĩa hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết nội dung thông tin của các item ban đầu (Hair, 2014), đồng thời cũng giúp tách các item ít liên quan với nhau thành những nhân tố khác nhau. Đó là cơ sở để xác định các giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học với sự tồn tại tương đối độc lập với nhau. Phương pháp trích xuất được sử dụng là Trục yếu tố chính (principal axis factoring) và phép xoay promax. Để đảm bảo giá trị hội tụ của các item vào từng nhân tố có ý nghĩa thực tế, hệ số tải nhân tố được chấp nhận là 0,5 trở lên (Hair, 2014). Sau khi loại bỏ các item có hệ số tải nhân tố nhỏ hơn ngưỡng, các item còn lại được tải vào các nhân tố tương ứng, là các giá trị ở trường học. Cụ thể như sau:

Hệ giá trị sống ở trường học: các item được tải về 9 nhân tố, là 9 giá trị sống ở trường học được tập hợp như một hệ thống, giải thích được 67,4%

phương sai của bộ dữ liệu, với hệ số tải thấp nhất là 0,51 và cao nhất là 0,90, trong đó mỗi item chỉ tải vào một nhân tố duy nhất, tức là chỉ thuộc một giá trị sống duy nhất. Dữ liệu này cho thấy, mô hình 9 nhân tố của các item về giá trị sống ở trường học có tính hội tụ cao về nội dung ở mỗi giá trị được trích xuất. Hơn nữa, xem xét ma trận tương quan giữa 9 nhân tố (factor correlation matrix) cho thấy, hệ số tương quan thấp nhất là 0,30 và cao nhất là 0,69, không vượt hơn mức 0,7 (mức này được xác định bởi sự chia sẻ phương sai giữa hai yếu tố cần nhỏ hơn 50%, cụ thể là $0,7 \times 0,7 = 0,49$) đảm bảo tính phân biệt giữa các yếu tố, tức là có sự độc lập nhất định giữa các giá trị. Nhìn chung, có 9 giá trị sống tại trường học được trích xuất, đảm bảo tính chính xác và phản ánh hệ giá trị sống ở trường học của học sinh THCS. Đó là các giá trị Yêu nước, Hợp tác, Khoan dung, Yêu thương - Tôn trọng, Chăm chỉ, An toàn, Hạnh phúc, Có trách nhiệm với tương lai và Trung thực. Ý nghĩa của các giá trị này trong bối cảnh học đường như sau:

Yêu nước: là những biểu hiện của sự tích cực tham gia và vận động bạn bè tham gia các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa và bảo vệ môi trường; biết giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong trường học. *Hợp tác*: là sự sẵn sàng và kêu gọi, thuyết phục bạn bè cùng chung sức hoàn thành nhiệm vụ của nhóm, của tập thể; tin tưởng và tạo cảm hứng cho các thành viên tham gia hoạt động, phân công, tổ chức và theo dõi tiến độ công việc của nhóm. *Khoan dung*: là chấp nhận và bỏ qua lỗi lầm, thông cảm với quyết định và mong muốn của mọi người. *Yêu thương - tôn trọng*: là biết cảm thông, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn; chấp nhận sự khác biệt của mọi người; sẵn sàng bảo vệ người khó khăn, yếu thế; biết lắng nghe và tôn trọng cảm xúc, suy nghĩ, hành động của người khác; thống nhất giữa lời nói và việc làm. *Chăm chỉ*: là sự cố gắng trong học tập, học tập và làm việc ở trường cũng như hoàn thành nhiệm vụ học tập ở nhà. *An toàn*: là không sợ sệt, lo lắng khi nhận lỗi, sửa sai; mạnh dạn hỏi những gì mình chưa biết; chủ động tìm người hỗ trợ khi mình chưa hiểu và mạnh dạn nhận lỗi. *Hạnh phúc*: là vui vẻ, hài lòng với những gì mình có, nhận thấy những điểm tích cực của bản thân, suy nghĩ lạc quan, tích cực, luôn cố gắng hết sức trong mọi việc. *Có trách nhiệm với tương lai*: nghĩa là có mục tiêu và định hướng nghề nghiệp tương lai cho bản thân, có mong muốn, ước mơ rõ ràng về tương lai và cố gắng thực hiện. *Trung thực*: là trung thực với bản thân, bạn bè, thầy cô, trong học tập.

Các kỹ năng sống ở trường học: các item được tải về 3 nhân tố, thể hiện 3 nhóm kỹ năng, giải thích được 65,1% phương sai của bộ dữ liệu, có hệ số tải dao động trong khoảng từ 0,54 đến 0,83, mỗi item cũng được tải vào 1 nhân tố duy nhất, đảm bảo tính hội tụ về nội dung của các item trong từng thang đo Kỹ năng sống. Ma trận tương quan giữa 3 nhân tố cho thấy hệ số thấp nhất là 0,61

và cao nhất là 0.74 chỉ ra rằng, trong 3 nhân tố thì 2 nhân tố có tương quan tương đối mạnh với nhau, cao hơn một chút so với mức 0,7. Tuy nhiên, ở đây, hai yếu tố chia sẻ 54% phương sai ($= 0,735 \times 0,735$), tức là cao hơn 4% so với ngưỡng. Nhìn chung, ba kỹ năng sống được trích xuất có tính hội tụ tốt, nhưng chưa phân biệt rõ ràng lắm, tức là các kỹ năng chưa mang tính độc lập cao mà có tương quan với nhau. Tuy nhiên, với nghiên cứu khám phá, vẫn có thể sử dụng được bởi độ chênh ở ngưỡng không lớn. Ba kỹ năng đó là: Kỹ năng tự chủ, Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo và Kỹ năng giao tiếp. Đây là ba kỹ năng được nhấn mạnh trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể do Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra.

Kỹ năng tự chủ: hàm ý là khả năng hiểu rõ về bản thân (khả năng, giá trị, nhu cầu, quyền lợi, điểm mạnh, điểm yếu) và điều chỉnh hành động của bản thân, xác định được nhiệm vụ học tập, sẵn sàng vượt qua khó khăn và quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ trong học tập và cuộc sống mà không dựa dẫm, ỷ lại. *Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thể hiện ở việc học sinh có ý tưởng mới, sáng kiến hay, chủ động phân tích tìm ra giải pháp và cách giải quyết tình huống trong học tập và cuộc sống một cách chủ động dựa trên việc hiểu cảm xúc, hành động, suy nghĩ của người khác và biết thông cảm với họ. *Kỹ năng giao tiếp*: được thể hiện qua sự chủ động giao tiếp, tương tác với mọi người; kết hợp đa dạng các phương tiện và cách giao tiếp đa dạng, hiệu quả. Trong giao tiếp, học sinh biết thể hiện sự tự tin trong các môi trường giao tiếp đa dạng (nơi đông người, giao lưu quốc tế).

Mô tả điểm đạt được của các giá trị sống và kỹ năng sống được tổng kết trong bảng 3 dưới đây. So với dự kiến ban đầu về 13 giá trị sống thì chỉ còn lại 10 giá trị, trong đó, hai giá trị yêu thương và tôn trọng cùng tài về một nhân tố nên gộp thành một giá trị (yêu thương - tôn trọng). Như vậy, có thể hiểu, bước đầu, đây là hệ giá trị sống ở trường học của học sinh THCS. Hai giá trị bị loại là giá trị tự do và giản dị; đây cũng là hai giá trị xét về nội dung giáo dục đòi hỏi các em nhận thức sâu và rộng hơn so với các giá trị khác; ví dụ như item "Giao tiếp tự nhiên, không phô trương, hoa mỹ"; "Từ chối nhận những gì mình đã có, đã đủ dùng" hoặc "Không bị dẫn dắt hay ép buộc bởi người khác". Đây là những biểu hiện có thể chưa được thể hiện rõ ở lứa tuổi học sinh THCS.

Theo bảng 3, việc thể hiện 9 giá trị sống và 3 kỹ năng sống của các em học sinh THCS dao động với điểm trung bình từ 5,14 đến 5,89 trên thang điểm 7. Sự chênh lệch ĐTB giữa việc thể hiện các giá trị sống và kỹ năng sống của học sinh là không đáng kể.

Dữ liệu cho thấy, những giá trị sống được học sinh thể hiện ở mức cao hơn so với các giá trị sống khác là giá trị hạnh phúc, trách nhiệm, yêu thương -

tôn trọng; điểm trung bình của các giá trị sống này từ 5,49 đến 5,89. Những giá trị sống được học sinh thể hiện ở mức độ thấp hơn là giá trị yêu nước, chăm chỉ và trung thực; với điểm trung bình từ 5,23 đến 5,45. Các giá trị sống học sinh thể hiện ở mức độ thấp nhất so với các giá trị sống khác là khoan dung, an toàn, hợp tác với điểm trung bình từ 5,14 đến 5,22.

Bảng 3: Mô tả sơ lược chung về giá trị sống - kỹ năng sống của học sinh

Giá trị - Kỹ năng	M	SD	Giá trị - Kỹ năng	M	SD
<i>Các giá trị sống</i>					
Yêu nước	5,23	1,17	Hợp tác	5,22	1,22
An toàn	5,16	1,20	Hạnh phúc	5,49	1,16
Khoan dung	5,14	1,14	Chăm chỉ	5,44	1,18
Yêu thương - Tôn trọng	5,89	0,87	Trung thực	5,45	1,14
Trách nhiệm với tương lai	5,63	1,26			
<i>Các kỹ năng sống</i>					
Kỹ năng tự chủ	5,55	1,06	Kỹ năng giao tiếp	5,14	1,24
Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo	5,30	1,09			

Chú thích: Điểm trung bình (M) cao nhất = 7 (giá trị, kỹ năng ở mức cao) và thấp nhất = 1 (không thể hiện giá trị và kỹ năng).

Dữ liệu về kỹ năng sống cho thấy, ba nhóm kỹ năng sống đều được hiển thị trong đời sống học đường. Đó là nhóm kỹ năng tự chủ, giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Điểm trung bình biểu hiện kỹ năng sống không có nhiều chênh lệch, dao động trong khoảng 5,14 đến 5,55 trên thang điểm 7. Kỹ năng tự chủ là kỹ năng có điểm trung bình cao nhất ($M = 5,55$); xếp thứ hai là kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo và thấp nhất là kỹ năng giao tiếp ($M = 5,14$).

Về tổng thể, học sinh biểu hiện rõ nét nhất ba giá trị sống là hạnh phúc, trách nhiệm, yêu thương - tôn trọng và hai nhóm kỹ năng sống là nhóm kỹ năng tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Điều này có nghĩa là học sinh thể hiện rõ ràng rằng các em biết vui vẻ, hài lòng với những gì mình có, suy nghĩ tích cực, lạc quan về cuộc sống, có ước mơ và định hướng tương lai rõ ràng; cảm thông, chia sẻ và lắng nghe bản thân cũng như người xung quanh, chấp nhận sự khác biệt, v.v. Đồng thời, các em cũng bộc lộ rõ hơn ở những hành động cụ thể trong cuộc sống và học tập như: không dựa dẫm, ỷ lại; biết đánh

giá trị điểm, hạn chế của bản thân; chủ động đặt mục tiêu, nhận biết và điều chỉnh cảm xúc bản thân; phát hiện tình huống có vấn đề, chủ động tìm cách giải quyết, chủ động đề xuất các ý tưởng mới; hiểu hành động, suy nghĩ của người khác và biết thông cảm; thích làm theo những cách mới, thú vị.

Nhóm giá trị sống biểu hiện thấp nhất là khoan dung và an toàn, nhóm kỹ năng sống có điểm thấp nhất là giao tiếp. Như vậy, có thể thấy, các em chưa thực sự hiểu và thể hiện rõ ràng rằng mình nên chấp nhận và bỏ qua lỗi lầm cho chính bản thân và người khác, chưa thật sự chấp nhận nhược điểm của mọi người; đặc biệt các em vẫn sợ sệt và lo lắng quá khi mắc lỗi, chưa mạnh dạn hỏi khi không biết hoặc không hiểu; vẫn ngại giao tiếp với mọi người, chưa thật tự tin và tích cực tham gia các hoạt động giao lưu, giao tiếp nơi đông người. Có thể những hạn chế này là do đặc điểm tâm lý, nhận thức của chính bản thân các em; đồng thời cũng do chương trình giáo dục và môi trường trường học chưa thật sự sâu sát, chưa tạo ra những tương tác an toàn, chưa thể hiện rõ sự khoan dung với học sinh. Đây sẽ là những kết quả cho thấy, giáo dục nói chung cũng như giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống trong nhà trường cần xem xét điều chỉnh đề duy trì và phát huy những giá trị sống - kỹ năng sống đã ổn định, tích cực ở học sinh THCS, đồng thời thúc đẩy những giá trị sống - kỹ năng sống còn nhiều hạn chế.

3.2. Tương quan giữa giá trị sống và kỹ năng sống ở trường học của học sinh THCS

Bảng 4: Tương quan chung giữa giá trị sống và kỹ năng sống

Các giá trị	Kỹ năng tự chủ	Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo	Kỹ năng giao tiếp
1. An toàn	0,66**	0,66**	0,68**
2. Hợp tác	0,54**	0,60**	0,58**
3. Yêu nước	0,52**	0,50**	0,52**
4. Trung thực	0,56**	0,50**	0,50**
5. Trách nhiệm với tương lai	0,56**	0,47**	0,46**
6. Hạnh phúc	0,53**	0,47**	0,47**
7. Chăm chỉ	0,51**	0,47**	0,46**
8. Yêu thương - Tôn trọng	0,43**	0,35**	0,33**
9. Khoan dung	0,39**	0,36**	0,36**

Chú thích **: $p < 0.01$.

Kết quả phân tích thống kê hệ số tương quan Pearson của chín giá trị sống và ba kỹ năng sống được hiển thị ở bảng 4.

Kết quả cho thấy, hệ số tương quan của từng giá trị sống với các kỹ năng sống khác đều theo chiều thuận và có độ lớn dao động trong khoảng từ 0,3 đến 0,68 ($p < 0,01$). Như vậy, mỗi tương quan giữa tất cả các giá trị sống và các kỹ năng sống là có ý nghĩa thống kê với độ lớn từ trung bình đến tương đối mạnh. Kết quả này phù hợp với những nghiên cứu đã công bố cho rằng, giá trị sống và kỹ năng sống có mối quan hệ chặt chẽ với nhau (Lovat và cộng sự, 2008; Lovat và cộng sự, 2009; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; UNESCO, 2019).

Hệ số tương quan cao nhất là giữa Giá trị an toàn với ba kỹ năng sống (r từ 0,66 đến 0,68, trong đó tương quan cao nhất với kỹ năng giao tiếp ($r = 0,68$); tiếp theo cũng khá cao là tương quan giữa các kỹ năng sống với giá trị hợp tác, trung thực, yêu nước (r từ 0,5 đến 0,6). Điều này có nghĩa là khi học sinh có thể hiện các kỹ năng sống thì cũng biết thể hiện các giá trị sống và ngược lại. Nội dung biểu hiện của giá trị sống và kỹ năng sống khá tương đồng. Ví dụ, đối với giá trị sống An toàn: học sinh biết cách thể hiện sự mạnh dạn, phát biểu ý kiến, chủ động tìm người khác để hỏi những gì mình chưa biết, mạnh dạn nhận lỗi. Biểu hiện này rất phù hợp với tính chủ động trong giao tiếp với mọi người (kỹ năng giao tiếp); chủ động đề xuất các ý tưởng mới (kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo); chủ động đề xuất đặt ra mục tiêu nghề nghiệp và quyết tâm thực hiện (kỹ năng tự chủ).

Giá trị khoan dung có tương quan thấp nhất với các kỹ năng sống (kỹ năng tự chủ ($r = 0,392$); kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo ($r = 0,357$); kỹ năng giao tiếp ($r = 0,36$). Kết quả này khá tương đồng với kết quả khảo sát về việc thể hiện các giá trị sống của học sinh THCS được phân tích như ở trên khi mà về việc thể hiện giá trị Khoan dung có điểm trung bình thấp nhất trong các giá trị sống.

3.3. Giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống ở trường học

Hiện nay, một số trường tiểu học và THCS có áp dụng chương trình giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống theo các phương thức khác nhau như: Kết hợp giá trị sống và kỹ năng sống vào một chương trình giáo dục cho học sinh toàn trường; tích hợp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống vào các môn học trong nhà trường sao cho phù hợp với đặc thù các môn học; cũng có nhiều trường tách riêng giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống.

Tại Hà Nội, một số trường và hệ thống giáo dục phổ thông nhiều năm nay đã áp dụng mô hình tích hợp giáo dục đồng thời cả giá trị sống và kỹ năng sống trong các môn học, trong các giờ sinh hoạt, giờ ngoại khóa, hoạt động trải

nghiệm hè/dã ngoại và các hoạt động chuyên đề. Ví dụ như, trường THCS - THPT Nguyễn Tất Thành (N.T.T.) từ năm 2009 đã lồng ghép giáo dục 12 giá trị cũng như các kỹ năng xã hội - cảm xúc, kỹ năng giao tiếp của chương trình LVI:P vào các buổi sinh hoạt lớp, các hoạt động dưới cờ và các hoạt động ngoại khóa khác. Nội dung lồng ghép của trường N.T.T. tập trung chủ yếu vào các giá trị như yêu thương, chăm chỉ, hợp tác, trung thực và trách nhiệm; các kỹ năng được nhấn mạnh là kỹ năng giao tiếp và kỹ năng tự chủ. Kết quả sau nhiều năm N.T.T. triển khai cho thấy: có tác động tích cực tới việc tạo ra môi trường học tập hợp tác, thân thiện, chủ động và sáng tạo (Trần Thị Lệ Thu, 2014; Nguyễn Phúc Lộc và Trần Thị Lệ Thu, 2018).

Hệ thống giáo dục Vinschool (từ năm 2015) và Trường Nguyễn Siêu (từ năm 2019) đã lồng ghép giáo dục 12 giá trị sống và kỹ năng sống của chương trình LVI:P với chương trình giáo dục 7 thói quen của Vinsers (Trần Thị Lệ Thu, 2014); trước đó, cả hai trường đều chỉ tập trung giáo dục kỹ năng sống với chương trình 7 thói quen của Covey, giá trị sống hầu như rất ít được nhắc tới. Các giá trị và kỹ năng được nhấn mạnh trong chương trình của hệ thống Vinschool và Trường Nguyễn Siêu hiện nay là hợp tác, trách nhiệm với tương lai, chăm chỉ, trung thực, tôn trọng, sáng tạo, giao tiếp, tự chủ. Kết quả giáo dục ở hai cơ sở này đều cho thấy, có những tác động tích cực tới học sinh, tới bầu không khí an toàn, thân thiện trong trường học, đặc biệt giảm bắt nạt, bạo lực, áp lực; giúp học sinh có sức khoẻ tâm thần ổn định, học tập tốt đa khả năng bản thân (Trần Thị Lệ Thu, 2013; 2014).

Hệ thống giáo dục Nguyễn Bình Khiêm (N.B.K.) áp dụng mô hình kết hợp giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống được hơn tám năm học. Mô hình này được thực hiện từ bậc tiểu học đến hết trung học phổ thông. Mô hình kết hợp lấy giá trị sống làm nền tảng để đồng thời giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống. Với học sinh THCS, hệ thống N.B.K. tập trung giáo dục 12 giá trị sống, đặc biệt nhấn mạnh giáo dục sáu giá trị cốt lõi là: nhân ái (yêu thương), trung thực, tôn trọng, trách nhiệm, an toàn và sáng tạo. Các kỹ năng sống mà học sinh THCS N.B.K. được giáo dục và rèn luyện tập trung là kỹ năng lắng nghe, tự chủ, kiểm soát cảm xúc, giao tiếp, ra quyết định, ứng phó với căng thẳng. Các kỹ năng này được củng cố thêm khi nhà trường đưa vào chương trình giáo dục bảy thói quen cho học sinh (Phòng Tâm lý học đường N.B.K., 2014; Đàm Tiến Nam, 2019; Nguyễn Văn Hòa, 2019). Qua 8 năm thực hiện mô hình giáo dục kết hợp này, các báo cáo tổng kết năm học phân tích những dữ liệu khảo sát đều cho thấy, trên 90% học sinh và phụ huynh đánh giá N.B.K. là môi trường học tập thân thiện, yêu thương an toàn, sáng tạo. Năm 2019, N.B.K. được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đài Truyền hình Việt Nam (kênh VTV7), Phòng Giáo dục quận Cầu Giấy - Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội đánh giá và gọi tên là

Như vậy, có thể nhận thấy sự chuyển dịch giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống của các trường, các hệ thống giáo dục từ giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống một cách riêng biệt sang kết hợp giáo dục Giá trị sống - kỹ năng sống đồng thời. Thực tế cho thấy, khi kết hợp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống sẽ tạo nên sự thống nhất về mục tiêu giáo dục của nhà trường và tính bền vững của chương trình. Nghĩa là khi học sinh được trang bị đầy đủ về giá trị sống thì học sinh sẽ biết cách thể hiện các kỹ năng sống và từ đó các kỹ năng sống hay nói cách khác là các hành vi, thói quen của người học được củng cố vững chắc hơn (Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; UNESCO, 2019).

Về nội dung giáo dục Giá trị sống và Kỹ năng sống ở các trường, có thể thấy, chương trình giáo dục về vấn đề này đều cơ bản dựa trên mười hai giá trị sống của LVEP, nhưng sự ưu tiên giáo dục các giá trị sống tương đối khác nhau ở mỗi trường. Các kỹ năng sống được kết hợp trong những chương trình giáo dục ở các trường dù có những nội dung chung như tập trung vào kỹ năng giao tiếp và tự chủ, nhưng vẫn có sự khác biệt nhất định, ví dụ, bổ sung thêm những kỹ năng khác vào chương trình như chương trình bảy thói quen của N.B.K., hay chương trình bảy thói quen của Vinscer. Điều đó có nghĩa là giữa các trường chưa có sự thống nhất toàn diện trong xây dựng chương trình giáo dục Giá trị sống - Kỹ năng sống cho học sinh: dù hình thức giáo dục có thể tương đối giống nhau, tức là cùng có sự kết hợp giữa giáo dục giá trị sống với kỹ năng sống, tuy nhiên, nội dung giáo dục chưa có sự thống nhất.

Trong khi đó, kết quả của nghiên cứu này, dựa trên mẫu nghiên cứu ở các trường khác nhau, đã chỉ ra mối tương quan giữa giá trị và kỹ năng sống, thể hiện ưu điểm của sự kết hợp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong một chương trình giáo dục. Hơn nữa, kết quả cũng chỉ ra một số giá trị vốn được đặt ra trong mười hai giá trị của LVEP nhưng lại không có mặt trong hệ giá trị của học sinh TIICS hiện nay bởi chúng không xuất hiện một cách có liên quan đến nhau như những biểu hiện của một giá trị. Đó là giá trị giản dị và tự do. Các lý do giải thích cho điều này chưa được tìm hiểu thấu đáo nhưng đó cũng là bằng chứng cho thấy đây là những giá trị cần được xem xét kỹ lưỡng trong chương trình giáo dục hiện nay.

Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy, mối tương quan giữa các giá trị sống và kỹ năng sống không cùng mức độ với nhau. Có tương quan tương đối mạnh hơn giữa các giá trị An toàn, Hợp tác, Yêu nước và Trung thực với ba kỹ năng sống được khảo sát. Đó là những nhóm giá trị sống và kỹ năng sống có thể và cần thiết kết hợp với nhau để có hiệu quả hơn trong giáo dục. Bên cạnh đó,

những giá trị yêu thương - tôn trọng và khoan dung lại có tương quan ở mức yếu hơn với cả ba kỹ năng trong khi đáng ra chúng cần phải là những liên kết mạnh bởi đó là những giá trị nền tảng cho các kỹ năng giao tiếp và tự chủ. Kết quả này gợi ý rằng, các nội dung này cần được xem xét lại cả về phương pháp lẫn trọng tâm truyền tải trong chương trình giáo dục.

Kết quả nghiên cứu một lần nữa khẳng định tính hiệu quả và tính thực tiễn của việc triển khai, nhân rộng mô hình giáo dục tích hợp giá trị sống - kỹ năng sống trên cơ sở lấy giá trị sống làm gốc. Định hướng giáo dục này thực tế đã góp phần tạo ra những môi trường học đường an toàn, thân thiện, hạnh phúc đối với cả người học, người dạy cũng như các cán bộ nhân viên trong nhà trường (UNESCO, 2016; 2019; Đàm Tiến Nam, 2019; Nguyễn Văn Hòa, 2019; UNICEF, 2013; Weiss, 2014; Singh, 2003; Lovat, 2009; Hanbury, 2008; Durlak và cộng sự, 2011; Covey, 2015; Payton và cộng sự, 2008; Makie, 2010; Trần Thị Lệ Thu, 2018; Nguyễn Phúc Lộc, Trần Thị Lệ Thu, 2018).

Sự kết hợp giữa giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống là xu hướng hợp với thế giới, với định hướng đổi mới căn bản và toàn diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đặc biệt phù hợp với quan điểm phát triển trường học hạnh phúc và quyết nghị của UNESCO vì một nền giáo dục bền vững cho toàn cầu (UNESCO, 2016; UNESCO, 2019; Nguyễn Thanh Bình và cộng sự, 2018; VTV7, 2019). Tuy nhiên, kết hợp như thế nào, đặt trọng tâm vào đâu và với phương pháp, cách thức thực hiện như thế nào lại là vấn đề cần được xem xét thấu đáo hơn khi xây dựng chương trình.

4. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu này là trên cơ sở phân tích hiện trạng giá trị sống - kỹ năng sống ở trường học và mối quan hệ giữa chúng của học sinh THCS để bàn về nội dung và hình thức giáo dục giá trị sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong trường học hiện nay tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Học sinh đã thể hiện rõ ràng chín giá trị sống cốt lõi, trong đó các giá trị được thể hiện rõ và tập trung cao là: yêu thương - tôn trọng, trách nhiệm với tương lai, hạnh phúc, trung thực; các giá trị biểu hiện thấp nhất là an toàn, khoan dung, yêu nước và hợp tác. (2) Học sinh cũng thể hiện rõ ba kỹ năng sống, trong đó, kỹ năng sống biểu hiện cao nhất và rõ nhất là kỹ năng tự chủ; thấp hơn là kỹ năng tự giải quyết vấn đề - sáng tạo, thấp nhất là kỹ năng giao tiếp. (3) Có mối quan hệ tương đối chặt giữa giá trị sống và kỹ năng sống của học sinh THCS. Đó là mối quan hệ biện chứng, không tách rời, giá trị sống là nền tảng giúp học sinh nuôi dưỡng kỹ năng sống và biết cách áp dụng kỹ năng sống; kỹ năng sống là con đường để giá trị sống

được bộc lộ và ứng dụng hiệu quả trong học tập và cuộc sống của mỗi cá nhân học sinh.

Từ tổng thể kết quả phân tích tương quan cho thấy: các giá trị hướng ra cộng đồng như yêu nước, hợp tác và an toàn có tương quan cao và chặt với hai kỹ năng hướng vào cộng đồng nhiều hơn là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề - sáng tạo. Các giá trị gắn với bản thân, hướng vào bản thân nhiều hơn (an toàn, trách nhiệm với tương lai và trung thực), có tương quan cao với kỹ năng tự chủ - kỹ năng đòi hỏi sự nỗ lực hướng vào chính mình trước tiên ở mỗi cá nhân. Riêng giá trị an toàn luôn có tương quan chặt và cao với cả ba kỹ năng, bởi bản chất của giá trị này có liên quan đến cảm giác an toàn bên trong bản thân cũng như bên ngoài xã hội (trong tương tác với mọi người).

Kết quả của nghiên cứu này có ý nghĩa thiết thực đối với công tác giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống cho học sinh tại Việt Nam hiện nay. Mối quan hệ giữa giá trị sống và kỹ năng sống cho thấy, việc kết hợp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong một chương trình có thể đảm bảo hiệu quả cao trong công tác giáo dục nhân cách toàn diện cho học sinh. Sự kết hợp này sẽ có hiệu quả bền vững và cao hơn khi đồng thời thúc đẩy giáo dục giá trị an toàn, hợp tác, yêu nước, hạnh phúc, trung thực với cả ba nhóm kỹ năng. Đặc biệt cần làm rõ nét và đẩy mạnh hơn nữa hiệu quả kết hợp giữa giáo dục các giá trị khoan dung, yêu thương - tôn trọng, trách nhiệm với tương lai và chăm chỉ với cả ba kỹ năng sống. Về tổng thể cần nên tập trung ưu tiên đẩy mạnh giáo dục ba giá trị cốt lõi là an toàn, hợp tác, khoan dung và kỹ năng giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Đặng Thúy Anh, Lê Minh Châu, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Thanh Mai, Trần Thị Tố Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Lưu Thu Thủy, Đào Văn Vi (2014). *Giáo dục kỹ năng sống trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học cơ sở* (Tài liệu dành cho giáo viên). NXB Giáo dục. Việt Nam.
2. Nguyễn Thanh Bình, Lưu Thu Thủy, Đào Thị Oanh, Nguyễn Thị Kim Dung, Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Hoàng Đoàn Huy, Vũ Thị Hồng (2018). *Phát triển năng lực cốt lõi cho học sinh phổ thông theo tiếp cận giá trị và kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Bình (2009). *Giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông, chương trình tổng thể*.
5. Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hồng, Lý Ngọc Huyền (2016). *Thực trạng hành vi gây hấn ở học sinh trung học cơ sở Hà Nội*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phòng, chống

bạo lực học đường trong bối cảnh hiện nay - thực trạng và giải pháp. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội. P. 326 - 334.

6. Bùi Ngọc Diệp, Lê Minh Châu, Trần Thị Tố Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Nguyễn Dục Quang, Lê Thanh Sứ, Lưu Thu Thủy, Đào Vân Vi (2010). *Giáo dục kỹ năng sống trong hoạt động ngoài giờ lên lớp ở trường trung học phổ thông*. NXB Giáo dục. Việt Nam.

7. Nguyễn Việt Hiệp (2016). *Mối quan hệ tâm lý giữa bạo lực học đường với tình trạng người chưa thành niên phạm tội*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phòng, chống bạo lực học đường trong bối cảnh hiện nay - thực trạng và giải pháp. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội. P. 127 - 133.

8. Nguyễn Văn Hòa (2019). *Báo cáo xây dựng Trường học Hạnh phúc*. VTV7 - Đài Truyền hình Việt Nam.

9. Jessica M., Nguyễn Thị Trang, Nguyễn Thị Linh, Vũ Song Hà, Nguyễn Trương Nam, Vũ Thành Long, Trần Lâm (2014). *Báo cáo khảo sát ban đầu - Trường học an toàn, thân thiện và bình đẳng tại Hà Nội*. Plan International.

10. Nguyễn Công Khanh (2012). *Phương pháp giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.

11. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Đặng Hoàng Minh (2010). *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh THCS* (Tài liệu dùng cho giáo viên trung học cơ sở). NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.

12. Nguyễn Phúc Lộc và Trần Thị Lệ Thu (2018). *Vai trò của giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống đối với quá trình xây dựng văn hóa nhà trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục*. Tạp chí Thiết bị giáo dục. Số 179. Kỳ 2. Tháng 10. Cơ quan của Liên hiệp Hội Thiết bị giáo dục Việt Nam. P. 4 - 6.

13. Đặng Hoàng Minh, Nguyễn Cao Minh, Nguyễn Thị Thu Hiền, Đoàn Thị Hương (2018). *Giáo dục kỹ năng sống và các vấn đề xã hội*. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.

14. Đàm Tiến Nam (2019). *Báo cáo Trường học hạnh phúc*. Phòng Giáo dục Quận Cầu Giấy - Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

15. Đặng Văn Minh (2016). *Bạo lực học đường - thực trạng và giải pháp phòng chống hiện nay*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phòng, chống bạo lực học đường trong bối cảnh hiện nay - thực trạng và giải pháp. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội. P. 108 - 121.

16. Phòng Tâm lý học đường N.B.K. (2014). *Chương trình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống cho học sinh THCS*. Hệ thống Giáo dục Nguyễn Bình Khiêm.

17. Tillman D. (2010). *Những giá trị sống cho trẻ 8 - 14 tuổi*. NXB Tổng hợp. Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Tillman D. (2010). *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*. NXB Tổng hợp. Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Trần Thị Lệ Thu (2013). *Xây dựng môi trường gia đình dựa trên nền tảng những giá trị sống và kỹ năng sống tích cực - điều kiện tiên quyết để phát triển nhân cách trẻ em*. Kỷ yếu hội thảo “Tâm lý học và vấn đề cải thiện môi trường giáo dục hiện nay”. Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam. P. 296 - 299.
20. Trần Thị Lệ Thu (2013). *Tiếp cận tích hợp trong giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho sinh viên*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Nâng cao chất lượng giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho sinh viên sư phạm. Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây. 12/2012. Tr. 21 - 26.
21. Trần Thị Lệ Thu (2015). *Chương trình giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống dành cho học sinh tiểu học của nhóm HIH thuộc Quỹ Tài năng trẻ Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam*. Tâm lý học và Giáo dục học với phát triển phẩm chất và năng lực người học. NXB Thế giới. Tr. 226 - 235.
22. Trần Thị Lệ Thu (2018). *Đào tạo phẩm chất, giá trị sống - kỹ năng sống cho giáo viên theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia “Triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới: thách thức và giải pháp nhìn từ góc độ Tâm lý học - Giáo dục học”. Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam. Tr. 232 - 241.
23. Mạc Văn Trang (2011). *Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông hiện nay*. Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Hà Nội. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Tr. 28 - 39.
24. VTV7 (2019). *Chương trình Iliêu trường thay đổi vì Trường học Hạnh phúc*. Đài Truyền hình Việt Nam.
25. Weiss B., Susan Han, Đặng Hoàng Minh, Nguyễn Cao Minh (2014). *Nổi kết: Chương trình giáo dục kỹ năng xã hội*. NXB Giao thông vận tải. Hà Nội.

Tiếng Anh

26. Blackmore J., Bateman D., Loughlin J., O'Mara J. & Aranda G. (2010). *The connection between learning spaces and student learning outcomes. A literature review*. Department for Education and Early Childhood Development. Melbourne. Australia.
27. Covey S.R. (2015). *The 7 habits of highly effective people*. Franklinconvey.
28. Daunic A., Corbett N., Smith S., Barnes T., Santiago-Poventud L., Chalfant P., Pitts D. & Gleaton J. (2013). *Integrating social-emotional learning with literacy instruction: An intervention for children at risk for emotional and behavioural disorders*. Behavioural Disorders. Vol. 39. No. 1. P. 43 - 49.
29. Durlak J.A., Weissberg R.P., Dymnicki A.B., Taylor R.D. & Schellinger K.B. (2011). *The impact of enhancing students's social and emotional learning: A meta-analysis of school-based universal interventions*. Child Development. Vol. 82. No. 1. P. 405 - 432.
30. Hair J.F., Black W.C., Babin B.J., Anderson R.E. (2014). *Multivariate data analysis, 7th edition*. Pearson Education Limited.

31. Hanbury C. (2008). *The life skills handbook*. VSO.
32. Joseph P. Allen, Roger P. Weissberg and Jacquelyn A. Hawkins (1989). *Realation between values and social competence in early adolescence*. Development Psychology. Vol. 25. No. 3. P. 458 - 464.
33. Lions Clubs International Fundation (2015). *Lions quest - life skills for action - skill banks*. Lions Clubs International Fundation.
34. Lickona T. (1992). *Educating for character How schools can teach respect and responsibility*. 1st. Edn. Bantam.
35. Lovat T. & Clement N. (2008). *Quality teaching and values education: Coalescing for effective learning*. Journal of Moral Education. 37 (1). P. 1 - 16.
36. Lovat T., Clement N., Dally K. & Toomey R (2009). *Project to test and measure the impact of values education on student effects and school ambience*. The University of Newcastle. Australia.
37. Payton J.W., Weissberg R.P., Durlak J.A., Dymnicki A.B., Taylor R.D. & Schellinger K.B. (2008). *The positive impact of social and emotional learning for kindergarten to eighth-grade students: Findings from three scientific reviews*. Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning. Chicago. IL.
38. Singh M. (2003). *Understanding life skills*. The UNESCO Institute of Education. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000146963>.
39. Tillman D.G. & Colimina P.Q (2000). *Educator training guide*. Living Values: An Educational Program. InC.
40. Tillman D.G. (2010). *Living values - parent values groups*. An Educational Program. InC.
41. Tran Thi Le Thu (2014). *Living values & life skills programs in Vietnamese schools*.
42. UNESCO (2003). *Life skills the bridge to human capabilities*. UNESCO Education Sector Position Paper. Draft-13. UNESCO.
43. UNESCO (2019). *Cognitive, social and emotional, and behavioral learning in education for sustainable development and global citizenship from pre-primary to secondary education*. UNESCO Education Sector.
44. UNICEF (2012). *Global evaluation of life skills education programs, evaluation office*
45. UNICEF (2013). *Asia - Pacific end of decade notes on education for all: Life skills & lifelong learning*. UNESCO Bangkok.
46. Wilson D.B., Gottfredson D.C. & Najaka S.S. (2001). *School-based prevention of problem behaviors: A meta-analysis* Journal of Quantitative Criminology. Vol. 17. P. 247 - 272.